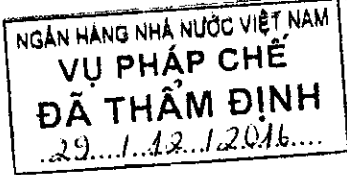


Số: 36 /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016



THÔNG TƯ

Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đột xuất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trừ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).

3. Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra và công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành ngân hàng.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thanh tra tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng* gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng.

2. *Thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng* là thanh tra một hoặc một số đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng.

3. *Thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng* là thanh tra đồng thời trụ sở chính và tất cả hoặc một số đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng.

4. *Thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng* là thanh tra đồng thời pháp nhân tổ chức tín dụng và tất cả hoặc một số pháp nhân tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng.

5. *Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng* là cơ quan thanh tra nhà nước, được tổ chức thành hệ thống, gồm:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được thành lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

6. *Thanh tra lại* là việc xem xét, đánh giá, xử lý kết luận thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thanh tra, ra kết luận thanh tra.

Điều 4. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra và thanh tra lại

1. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;

c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc phân công thực hiện; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;

d) Quyết định việc thanh tra lại vụ việc đã được Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng trong phạm vi quản lý của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

4. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính; thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về quyết định của mình.

5. Khi xét thấy cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 5. Tổ chức Đoàn thanh tra

1. Đoàn thanh tra có Trưởng đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra là người đứng đầu Đoàn thanh tra có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đoàn thanh tra.

2. Trường hợp cần thiết, Đoàn thanh tra có Phó trưởng đoàn thanh tra, Tổ trưởng thanh tra, Nhóm trưởng thanh tra. Phó trưởng đoàn thanh tra, Tổ trưởng thanh tra, Nhóm trưởng thanh tra giúp Trưởng đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của Đoàn thanh tra khi được Trưởng đoàn thanh tra giao.

Người ra quyết định thanh tra quyết định công chức làm Trưởng đoàn thanh tra, Phó trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra và được ghi trong quyết định thanh tra.

3. Thành viên Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra.

Điều 6. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra

1. Tiêu chuẩn chung của Trưởng đoàn thanh tra:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

b) Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;

c) Có khả năng tổ chức, chỉ đạo các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

2. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng phải từ Phó Vụ trưởng của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Phó Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Thanh tra viên chính trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.

3. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính trở lên hoặc Thanh tra viên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.

4. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải từ Phó Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thay đổi Trưởng đoàn thanh tra

1. Việc thay đổi Trưởng đoàn thanh tra được thực hiện trong trường hợp Trưởng đoàn thanh tra không đáp ứng được yêu cầu của kế hoạch tiến hành thanh tra hoặc vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan mà không thể thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Trường hợp Trưởng đoàn thanh tra đề nghị được thay đổi thì Trưởng đoàn thanh tra báo cáo bằng văn bản, nêu rõ lý do gửi người ra quyết định thanh tra. Trường hợp người ra quyết định thanh tra chủ động thay đổi thì thông báo cho Trưởng đoàn thanh tra biết và nêu rõ lý do trước khi ra quyết định thay đổi.

3. Việc thay đổi Trưởng đoàn thanh tra phải có quyết định bằng văn bản của người ra quyết định thanh tra; quyết định thay đổi Trưởng đoàn thanh tra được gửi cho Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Quyết định thay đổi Trưởng đoàn thanh tra thực hiện theo Mẫu số 01-TTr ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra

1. Việc thay đổi thành viên Đoàn thanh tra được thực hiện trong trường hợp thành viên Đoàn thanh tra không đáp ứng được yêu cầu của kế hoạch tiến hành thanh tra hoặc vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan mà không thể thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Việc bổ sung thành viên Đoàn thanh tra được thực hiện khi cần bảo đảm tiến độ, chất lượng cuộc thanh tra hoặc để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ khác phát sinh trong quá trình thanh tra.

3. Trường hợp Trưởng đoàn thanh tra đề nghị thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra thì Trưởng đoàn thanh tra báo cáo bằng văn bản, nêu rõ lý do, nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung gửi người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định.

Trường hợp người ra quyết định thanh tra chủ động thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra thì thông báo cho Trưởng đoàn thanh tra biết và nêu rõ lý do trước khi ra quyết định thay đổi, bổ sung.

4. Việc thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra phải có quyết định bằng văn bản của người ra quyết định thanh tra; quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra được gửi cho Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.